

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 – 61
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2021</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021</i>	<i>14 – 57</i>
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	58-61

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 18 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc thay đổi vốn điều lệ.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2500217389

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 61).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Vũ Tiến Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc	
Bà Đào Thị Sôi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021
	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huy Thị Dung	kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Mạnh Truyền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022
Ông Trần Bá Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 02 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

Số : 21.06/2021/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 08 tháng 02 năm 2022 từ trang 07 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNKT số: 3980-2022-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.094.617.516.039	706.923.329.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.619.969.924	4.914.235.456
1. Tiền	111		9.619.969.924	4.914.235.456
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		91.694.369.728	34.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	91.694.369.728	34.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.201.382.867	254.592.158.679
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	302.706.149.377	184.396.960.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	42.579.713.629	63.907.366.922
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	9.259.247.000	12.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2.737.678.272	2.204.218.728
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.081.405.411)	(7.916.387.449)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	619.644.770.535	404.715.939.357
1. Hàng tồn kho	141		628.206.941.870	412.638.736.880
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.562.171.335)	(7.922.797.523)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.457.022.985	8.200.995.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.109.838.590	3.541.486.459
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.259.633.646	4.577.263.289
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	87.550.749	82.246.122
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.392.089.251	66.655.471.375
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		824.868.485	848.672.499
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	824.868.485	848.672.499
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		29.230.228.271	29.357.611.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	24.050.080.162	23.966.192.754
<i>Nguyên giá</i>	222		121.677.169.318	113.709.243.219
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(97.627.089.156)	(89.743.050.465)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5.180.148.109	5.391.418.945
<i>Nguyên giá</i>	228		6.017.858.519	5.941.358.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(837.710.410)	(549.939.574)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		794.900.455	18.544.965.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	794.900.455	18.544.965.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	40.163.241.173	14.142.534.860
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.163.241.173	9.142.534.860
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		25.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.378.850.867	3.761.687.317
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.965.607.500	2.418.265.379
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	3.690.565.678	1.343.421.938
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.10	29.722.677.689	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.201.009.605.290	773.578.800.737

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		972.101.421.136	560.702.255.971
I. Nợ ngắn hạn	310		970.480.669.668	559.138.334.653
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	110.011.347.568	126.632.923.716
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	26.333.131.582	8.840.718.233
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	12.384.660.782	8.715.675.548
4. Phải trả người lao động	314		5.388.939.514	6.519.160.156
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	12.746.879.174	20.544.431.870
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1.573.735.102	696.617.531
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	793.167.736.268	381.060.621.587
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	8.322.969.571	5.738.376.463
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	551.270.107	389.809.549
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.620.751.468	1.563.921.318
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	1.620.751.468	1.563.921.318
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		228.908.184.154	212.876.544.766
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	228.908.184.154	212.876.544.766
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.826.240.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.826.240.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.341.448.011	5.915.984.116
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.650.168.523	25.171.683.805
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.636.154.352	16.662.405.902
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.014.014.171	8.509.277.903
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.418.237.620	17.230.426.845
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.201.009.605.290	773.578.800.737

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trịnh Thị Phương

Huy Thị Dung

Nguyễn Thị Huyền Thương



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.474.911.391.638	1.087.727.555.048
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	70.487.301.614	11.871.421.451
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.404.424.090.024	1.075.856.133.597
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.222.408.887.624	929.498.541.067
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182.015.202.400	146.357.592.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.217.855.145	4.301.892.393
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.246.883.541	24.161.639.116
Trong đó: chi phí lãi vay	23		37.953.673.786	23.309.270.556
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.020.706.313	(8.382.956.747)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	100.014.883.541	77.446.254.238
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29.704.241.847	27.539.167.112
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.287.754.929	13.129.467.710
12. Thu nhập khác	31	VI.7	667.213.522	2.758.339.617
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.230.717.467	1.282.808.983
14. Lợi nhuận khác	40		(1.563.503.945)	1.475.530.634
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.724.250.984	14.604.998.344
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	9.573.937.756	4.549.537.817
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(2.290.313.590)	1.786.426.522
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.440.626.818</u>	<u>8.269.034.005</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>18.014.014.171</u>	<u>8.509.277.903</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(2.573.387.353)</u>	<u>(240.243.898)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>1.058</u>	<u>500</u>

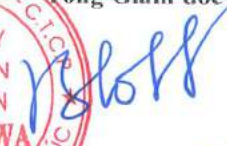
Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trinh Thị Phương

Huy Thị Dung

Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.724.250.984	14.604.998.344
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.240.186.725	4.717.248.862
- Các khoản dự phòng	03		3.388.984.882	8.284.293.466
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(227.970.009)	32.058.354
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.418.296.586)	(3.575.500.583)
- Chi phí lãi vay	06		37.953.673.786	23.309.270.556
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.660.829.782	47.372.368.999
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(105.463.571.449)	(8.095.015.167)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(215.568.204.990)	(103.709.381.941)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17.126.234.098)	79.673.527.565
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		110.933.739	(1.255.221.715)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(36.983.461.680)	(22.970.645.436)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.990.305.335)	(5.531.396.416)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		17.480.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.725.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(298.888.739.031)	(14.515.764.111)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.241.114.520)	(6.380.979.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		110.000.000	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(109.994.369.728)	(26.280.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.540.753.000	30.164.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.917.468.039)	(37.830.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.019.827.699	2.453.052.027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(92.482.371.588)	(37.853.927.064)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.613.408.111.222	961.481.819.942
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.217.331.371.616)	(907.999.172.515)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cô tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.838.782.925)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>396.076.739.606</i>	<i>45.643.864.502</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.705.628.987	(6.725.826.673)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.914.235.456	11.640.206.650
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		105.481	(144.521)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>9.619.969.924</u>	<u>4.914.235.456</u>

Người lập biểu

Trịnh Thị Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập, ngày 08 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM 2021****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng, Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán công ty có 269 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 207 nhân viên).

6. Cấu trúc doanh nghiệp:*Các Công ty con được hợp nhất:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Chưa đi vào hoạt động, đang đầu tư xây dựng	96,92%	96,92%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Gia công may mặc	48%	48%

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ đa dụng

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:** Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

doái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 22.680 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 22.960 VND/USD.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu uy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bảng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ giá quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên bảng trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ giá quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 24 tháng 04 năm 2021. Theo đó, Cổ tức lợi nhuận trả cho Cổ đông là 7.944.317.000 VND bằng cổ phiếu. Thực tế công ty đã chia cổ tức 793.988 cổ phiếu tương ứng với 7.939.880.000 VND.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

c) Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.386.877.635	2.194.401.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.203.092.289	2.719.833.467
Tiền đang chuyển	30.000.000	-
Cộng	<u>9.619.969.924</u>	<u>4.914.235.456</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>91.694.369.728</u>	<u>91.694.369.728</u>	<u>34.500.000.000</u>	<u>34.500.000.000</u>
Cộng	<u>91.694.369.728</u>	<u>91.694.369.728</u>	<u>34.500.000.000</u>	<u>34.500.000.000</u>

(*) Là các sổ tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm tại các ngân hàng:

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 25.139.369.728 VND.

+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm: 12.755.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An: 15.000.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ: 7.300.000.000 VND.

+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 31.500.000.000 VND.

Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên. (Xem thuyết minh V.20)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		15.163.241.173		9.142.534.860
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	15.163.241.173	48 %	9.142.534.860
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		25.000.000.000		5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (**)		25.000.000.000		5.000.000.000
Cộng		40.163.241.173		14.142.534.860

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Giá gốc khoản đầu tư	12.000.000.000	12.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu	48%	48%
Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	3.163.241.173	(2.857.465.140)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính	15.163.241.173	9.142.534.860

(**) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG1828T2/01-1269, ngày phát hành là 29/6/2018 đến ngày 29/06/2028. Số lượng trái phiếu là 1.500 với giá trị là 15.000.000.000 VND và giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG1727T2/02-2645 với giá trị 10.000.000.000 VND, ngày phát hành là 14/12/2017 đến ngày 14/12/2027. Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	9.924.321.000	52.714.217.611
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	9.924.321.000	52.714.217.611
<i>Phải thu các khách hàng khác (*)</i>	292.781.828.377	131.682.742.867
Công ty cổ phần đầu tư MK Việt Nam	8.971.290.563	22.336.089.738
Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Chương Mỹ	2.259.334.000	749.250.000
Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyễn Châu	4.795.065.240	619.303.220
Công ty Cổ Phần Vật tư Cơ giới và Xây dựng Thống Nhất	15.647.131.500	-
Công ty TNHH cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	44.871.979.406	-
Công ty TNHH Thương Mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	55.536.562.923	-
Công ty cổ phần phát triển thương mại Bẫy Lợi	6.559.575.569	2.032.308.737
Công ty Cổ phần thể giới di động	3.264.233.659	-
Công ty TNHH Thương Mại Huy Hùng	14.854.038.652	6.693.065.831
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội	3.928.048.000	-
Các khách hàng khác	132.094.568.865	99.252.725.341
Cộng	302.706.149.377	184.396.960.478

(*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	7.118.400.000	-
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	7.118.400.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác(*)</i>	35.461.313.629	63.907.366.922
Công ty cổ phần xây dựng cơ điện lạnh Việt Nam	4.012.670.337	3.376.813.003
SHENZHEN MEISHENGFA TRADE CO., LTD	3.175.186.870	638.306.013
HIGH ACE INDUSTRIES SDN.BHD	2.107.052.583	9.652.298.007
Công ty cổ phần Sản xuất và XNK Việt Phúc Bà Nguyễn Thị Lan Hương	-	10.000.000.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	3.440.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Kỹ thuật cao	10.641.613.618	-
Các nhà cung cấp khác	12.084.790.221	12.409.949.899
Cộng	42.579.713.629	63.907.366.922

(*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.259.247.000	12.000.000.000
Ông Tô Văn Giang vay với lãi suất 6,5%/năm	363.898.000	3.200.000.000
Bà Trịnh Thị Yên vay với lãi suất 6,5%/năm	1.032.549.000	3.500.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Phú vay với lãi suất 8%/năm	1.500.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hiệu vay với lãi suất 0,6%/tháng	500.000.000	-
Ông Huỳnh Hữu Tính vay với lãi suất 10%/năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Bùi Thị Thu Nga vay với lãi suất 10%/năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Mại Quỳnh vay với lãi suất 6,5%/năm	2.562.800.000	2.500.000.000
Bà Ngô Thị Mỹ Nhật vay với lãi suất 10%/năm	1.300.000.000	800.000.000
Cộng	9.259.247.000	12.000.000.000

6. Các khoản phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	531.798.955	-	122.005.130	-
Bảo hiểm xã hội	50.569.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	252.962.854	-	424.397.216	-
Phải thu lãi vay và lãi tiền gửi	1.901.561.228	-	1.648.626.862	-
<i>Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng</i>	<i>1.707.496.968</i>	<i>-</i>	<i>1.543.369.862</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu lãi cho vay cá nhân</i>	<i>194.064.260</i>	<i>-</i>	<i>105.257.000</i>	<i>-</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	786.235	-	9.189.520	-
Cộng	2.737.678.272	-	2.204.218.728	-

b) Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Ký cược, ký quỹ	824.868.485	-	848.672.499	-
Cộng	824.868.485	-	848.672.499	-

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(7.916.387.449)	-	(7.916.387.449)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.516.447.843)	-	(1.516.447.843)
Hoàn nhập dự phòng	1.351.429.881	-	1.351.429.881
Số cuối năm	(8.081.405.411)	-	(8.081.405.411)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	414.792.832	-	44.014.226.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	57.209.331.176	-	56.132.221.308	-
Công cụ, dụng cụ	57.731.818	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	326.234.649	-	240.103.947	-
Thành phẩm	8.836.636.992	-	10.156.577.100	-
Hàng hóa	559.086.725.044	(8.562.171.335)	302.095.608.525	(7.922.797.523)
Hàng gửi đi bán	2.275.489.359	-	-	-
Cộng	628.206.941.870	(8.562.171.335)	412.638.736.880	(7.922.797.523)

(*)Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.922.797.523)	(4.795.543.516)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.455.456.636)	(5.917.511.037)
Hoàn nhập dự phòng	816.082.824	2.790.257.030
Số cuối năm	(8.562.171.335)	(7.922.797.523)

9. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	512.160.000	60.000.000
Chi phí CCDC xuất dùng	1.647.119.386	240.058.732
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	56.400.984	100.805.941
Chi phí bảo hiểm tài sản	166.029.709	174.113.961
Kệ trưng bày sản phẩm	728.971.464	857.313.705
Biển hiệu quảng cáo, ô quảng cáo	1.474.910.242	1.040.722.059
Chi phí bảo trì phần mềm	307.683.334	49.947.088
Chi phí thử nghiệm EMC và hiệu suất năng lượng ĐHKK	89.365.051	480.557.687
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	-	72.096.235
Chi phí trả trước khác	127.198.420	465.871.051
Cộng	5.109.838.590	3.541.486.459

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	333.055.499	440.398.136
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	104.016.516	231.154.048
Hệ thống làm mát nhà xưởng	-	255.307.794
Chi phí thiết kế, thu công hạng mục nội thất, nhà xưởng	-	231.389.045
Chi phí làm biển quảng cáo	908.560.751	1.144.384.402
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	99.653.373	56.207.400
Chi phí bảo hiểm tài sản	9.133.383	24.027.105
Chi phí mua phần mềm Win bản quyền, phần mềm khai báo hải quan	9.859.335	25.797.448
Chi phí trả trước khác	501.328.643	9.600.001
Cộng	<u>1.965.607.500</u>	<u>2.418.265.379</u>

10. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	32.722.213.969
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	<u>(2.999.536.280)</u>
Cộng	<u>29.722.677.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	31.605.129.368	60.333.262.562	20.534.195.546	456.123.780	780.531.963	113.709.243.219
Mua trong năm	-	666.850.564	1.122.606.092	98.279.455	-	1.887.736.111
Tăng do hợp nhất	7.769.241.293	175.000.000	-	-	137.432.727	8.081.674.020
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.001.484.032)	-	-	(2.001.484.032)
Số cuối năm	39.374.370.661	61.175.113.126	19.655.317.606	554.403.235	917.964.690	121.677.169.318
<i>Trong đó</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	6.486.549.040	60.178.262.562	2.061.721.545	156.607.280	564.185.803	69.447.326.230
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	19.492.325.607	60.168.792.927	9.291.139.253	334.085.264	456.707.414	89.743.050.465
Khấu hao trong năm	1.768.106.148	102.724.423	2.862.017.867	72.176.797	147.390.654	4.952.415.889
Tăng do hợp nhất	4.571.116.203	175.000.000	-	-	137.432.727	4.883.548.930
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.951.926.128)	-	-	(1.951.926.128)
Số cuối năm	25.831.547.958	60.446.517.350	10.201.230.992	406.262.061	741.530.795	97.627.089.156
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.112.803.761	164.469.635	11.243.056.293	122.038.516	323.824.549	23.966.192.754
Số cuối năm	13.542.822.703	728.595.776	9.454.086.614	148.141.174	176.433.895	24.050.080.162

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 27.856.990.491 VND và 7.855.238.376 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 1.925.426.172 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 2.851.667.037 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa

+ Tòa nhà văn phòng làm việc có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.506.097.039 VND và 2.877.921.305 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty cổ phần Nagakawa Đà Nẵng.

+ Tài sản cố định là xe Xe Fortune - 88A 08438 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 958.627.273 VND và 0 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.614.795.919	1.326.562.600	5.941.358.519
Tăng do mua sắm	-	76.500.000	76.500.000
Số cuối năm	4.614.795.919	1.403.062.600	6.017.858.519
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.962.600	133.962.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	549.939.574	549.939.574
Khấu hao trong năm	-	287.770.836	287.770.836
Số cuối năm	-	837.710.410	837.710.410
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.614.795.919	776.623.026	5.391.418.945
Số cuối năm	4.614.795.919	565.352.190	5.180.148.109

Tài sản là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.614.795.919 VND và 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do hợp nhất</u>	<u>Kết chuyển vào CCDC trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	18.544.965.000	371.615.375	(427.130.000)	(17.851.615.375)	157.065.455	794.900.455
<i>Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu</i>	1.064.965.000	-	(427.130.000)	-	102.520.000	740.355.000
<i>Mua quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (*)</i>	17.480.000.000	-	-	(17.480.000.000)	-	-
<i>Công trình nhà xưởng</i>	-	371.615.375	-	(371.615.375)	54.545.455	54.545.455
Cộng	18.544.965.000	371.615.375	(427.130.000)	(17.851.615.375)	157.065.455	794.900.455

(*) Trong năm công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ các hợp đồng mua quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với Bà Đào Thị Soi. Trong năm, Bà Đào Thị Soi đã trả lại toàn bộ số tiền công ty đã đặt cọc.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho và bán tài sản cố định hữu hình chưa thực hiện, chi tiết:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.343.421.938	1.565.927.142
Phát sinh trong năm	3.678.460.821	1.328.235.582
Hoàn nhập trong năm	(1.331.317.081)	(1.550.740.786)
Số cuối năm	3.690.565.678	1.343.421.938

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	11.684.340.370	10.482.904.928
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	11.684.340.370	10.482.904.928
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	98.327.007.198	116.150.018.788
Công ty Cổ phần DTL Thăng Long	12.454.683.986	-
CJ Century Technology SDN.BHD	-	15.499.163.813
Công ty Cổ phần điện tử và tin học Việt Nam	7.659.703.247	-
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	-	11.999.319.953
Công ty cổ phần Tramexco	8.914.934.635	506.311.525
Công ty Cổ phần Vật tư Cơ giới và Xây dựng Thống Nhất	15.766.459.500	-
Các nhà cung cấp khác	53.531.225.830	88.145.223.497
Cộng	<u>110.011.347.568</u>	<u>126.632.923.716</u>

16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	13.490.815.799	1.264.834.251
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.544.615.013	1.264.834.251
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	11.946.200.786	-
<i>Trả trước của các khách hàng</i>	12.842.315.783	7.575.883.982
BQL dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng	2.268.681.000	280.561.840
Ban QLDA Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn II	2.139.369.728	-
Công ty Cổ phần xây dựng và kỹ thuật Hafa	2.677.840.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Cao Bằng	1.811.078.745	1.149.138.090
Các khách hàng khác	3.945.346.310	6.146.184.052
Cộng	<u>26.333.131.582</u>	<u>8.840.718.233</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Tăng do hợp nhất	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.647.402.200	-	11.910.523.615	(13.502.742.675)	-	55.183.140	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	75.727.362.670	(75.727.362.670)	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.284.686.831	-	64.691.226.538	(63.218.917.716)	-	3.756.995.653	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	17.363.693.365	(17.363.693.365)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.152.998.689	82.246.122	9.573.937.756	(5.990.305.335)	(5.304.627)	7.736.631.110	87.550.749
Thuế thu nhập cá nhân	492.542.276	-	1.464.640.248	(1.708.289.751)	-	248.892.773	-
Tiền thuê đất	-	-	425.151.438	(231.216.313)	-	193.935.125	-
Các loại thuế khác	138.045.552	-	1.121.329.111	(866.351.682)	-	393.022.981	-
Cộng	8.715.675.548	82.246.122	182.277.864.741	(178.608.879.507)	(5.304.627)	12.384.660.782	87.550.749

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.567.214.869	1.166.951.527
Chi phí chiết khấu của đại lý đạt đủ doanh số	-	17.720.000
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán chương trình khuyến mãi	10.050.697.972	18.618.760.343
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.128.966.333	741.000.000
Cộng	<u>12.746.879.174</u>	<u>20.544.431.870</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>621.861.367</i>	<i>51.912.603</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam – lãi vay	621.861.367	51.912.603
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>951.873.735</i>	<i>644.704.928</i>
Kinh phí công đoàn	525.748.495	284.671.795
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	355.090.540	355.090.540
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	71.034.700	4.942.593
Cộng	<u>1.573.735.102</u>	<u>696.617.531</u>

20. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>18.621.000.000</i>	<i>18.621.000.000</i>	<i>2.721.000.000</i>	<i>2.721.000.000</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (9)	11.571.000.000	11.571.000.000	2.721.000.000	2.721.000.000
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ (10)	7.050.000.000	7.050.000.000	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>774.546.736.268</i>	<i>774.546.736.268</i>	<i>378.339.621.587</i>	<i>378.339.621.587</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	774.546.736.268	774.546.736.268	378.339.621.587	378.339.621.587
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (1)	217.829.889.179	217.829.889.179	175.453.701.228	175.453.701.228
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (2)	49.896.656.597	49.896.656.597	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	350.612.021.844	350.612.021.844	197.885.920.359	197.885.920.359
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (4)	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	34.974.716.700	34.974.716.700	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (6)	39.946.898.899	39.946.898.899	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (7)	54.985.117.659	54.985.117.659	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (8)	19.801.435.390	19.801.435.390	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>793.167.736.268</u>	<u>793.167.736.268</u>	<u>381.060.621.587</u>	<u>381.060.621.587</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2021/HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 30 tháng 12 năm 2021 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 230.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tới ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sử dụng đất tại số thửa 46, tờ bản đồ 20 tại Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V930401 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HungYen ký ngày 18 tháng 06 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 666206, số vào sổ cấp GCN: CS29262 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/06/2018 cho ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo HĐCC số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG-ROYAL ngày 15/11/2019

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 750752, số vào sổ cấp GCN: CHO1494.HDD/1461 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2012 cho Ông Nguyễn Đình Tấn và Bà Đào Thị Hoa theo HĐCC số 03/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 11/12/2019.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội (nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thất và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/ HHĐCN ngày 29/10/2012 tại Phòng công chứng Mỹ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 2/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 2/11/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương số 320/2020/36924/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi: 9.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương số 320/2020/36915/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi 6.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 10 tháng 07 năm 2018.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 và CTG1727T2/02 với tổng giá trị Trái phiếu 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 31 tháng 03 năm 2021.

+ Xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAGHN ký ngày 14 tháng 08 năm 2019.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 19078.21.051.879737.TD ngày 15 tháng 04 năm 2021 với giá trị hạn mức tín dụng 1 là 25 tỷ; hạn mức cho vay 25 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 25 tỷ, hạn mức bảo lãnh 7,5 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 20 tỷ, hạn mức chi trả lương 1,5 tỷ; giá trị hạn mức tín dụng 2 là 50 tỷ : hạn mức cho vay 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C 50 tỷ, hạn mức bảo lãnh 15 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 40 tỷ, hạn mức chi trả lương 3 tỷ; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 18 tháng 03 năm 2022 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 7 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất các mặt hàng điện lạnh của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng.

+ Hợp đồng cầm cố số 44520.21.051.879737.BD ngày 11 tháng 08 năm 2021 số tiền 2.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố số 4519.21.051.879737.BD ngày 11 tháng 08 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố số 55655.21.051.879737.BĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 số tiền 300.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Dầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/367653/HĐTD ngày 21 tháng 05 năm 2021, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 500 tỷ đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2020/367653/HĐTD ngày 12 tháng 06 năm 2021. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng tối đa không quá ngày 31 tháng 05 năm 2022, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi kế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Góc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn.

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả.

+ Thẻ chấp Hàng hóa luân chuyển của công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa theo hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo bổ sung số 04/2019/367653/HĐBĐ ngày 01/10/2019.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/HĐTĐ.211.367653 ngày 12/3/2021, số tiền 6.500.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 12/3/2021.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/HĐTĐ.211.367653 ngày 17/3/2021, số tiền 8.500.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2021/367653/HĐBĐ ngày 17/3/2021.

+ Hợp đồng thế chấp số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 16/12/2021 số tiền 2.139.369.728 VNĐ tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

(4) Là khoản vay ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cấp tín dụng số DAN.DN.102.160321 ngày 15 tháng 04 năm 2021. Hạn mức tín dụng 7.000.000.000 VNĐ. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Bất động sản tại: Thửa 125, TĐ 101, Khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng trị giá 8.199.200.000 VNĐ

(5) Là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2021/CVHM/VCBHN- NAE vào ngày 01/12/2021 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/SĐCVHM ngày 22/12/2021. Hạn mức cho vay là 35 tỷ. Mục đích cho vay là tài trợ cấp nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là hết ngày 24/12/2022. Hợp đồng này được đảm bảo bằng:

+ Thẻ chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/VCBHN-NAE số tiền 4.000.000.000 VNĐ theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/CCTG/VCBHN- NAE ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội.

+ Hợp đồng thế chấp hàng hóa và các khoản phải thu số 01/2021/HDTCHHKPT/NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội. Giá trị phải thu và hàng tồn kho thế chấp là 15.000.000.000 VNĐ

+ Thẻ chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2021/VCBHN-NAE số tiền 4.000.000.000 VNĐ ngày 21/12/2021 theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 03/2021/CCTG/VCBHN-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NAE ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội.

+ Cầm cố thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 10316520 của Bà Nguyễn Thị Huyền Thương ngày 26/11/2021 số tiền 500.000.000 VNĐ kỳ hạn 6 tháng theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi tiết kiệm số 01/2021/HĐCC/VCBHN-NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021

+ Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/VCBHN- NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021 số tiền 7.500.000.000 VNĐ theo hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/CCTG/VCBHN- NAE ngày 01 tháng 12 năm 2021

(6) Là khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng số 31/2021/HĐTD/TTKD.TKC/01 ngày 16 tháng 09 năm 2021 với hạn mức tín dụng không vượt quá 40.000.000.000 VNĐ. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng không vượt quá ngày 31 tháng 07 năm 2022. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 44/2021/HĐBD/TTKD.TKC/01 ngày 08 tháng 10 năm 2021 số tiền 2.500.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong– Chi nhánh Hoàn Kiếm.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 31/2021/HĐBD/TTKD.TKC/03 ngày 15 tháng 10 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong– Chi nhánh Hoàn Kiếm.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 31/2021/HĐBD/TTKD.TKC/04 ngày 22 tháng 10 năm 2021 số tiền 5.255.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong– Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 01/2021/CTD/VCBHN-NGKW ngày 14 tháng 07 năm 2021 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 55.000.000.000 VNĐ. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng không vượt quá ngày 31 tháng 07 năm 2022. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/CCTG/VCBHN- NGKW ngày 13 tháng 07 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 03/2021/CCTG/VBHN-NAKW ngày 03 tháng 08 năm 2021 số tiền 6.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/VCBHN- NAG ngày 15 tháng 07 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

+ Thế chấp hàng hóa và các khoản phải thu có giá trị thế chấp là 20.000.000.000 VNĐ theo hợp đồng số 01/2021/HĐTCHHKPT/NGKW ngày 13 tháng 07 năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

(8) Là khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt – Chi nhánh Hà Nội Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/13442799/HĐTD ngày 31 tháng 08 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên và tối đa là 20.000.000.000 VNĐ trong đó đã bao gồm chuyển tiếp từ Hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cấp bảo lãnh vụ thế theo hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2020/13442799/HĐBL ngày 18 tháng 02 năm 2021. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng. Hợp đồng này được đảm bảo bởi:

+ Thẻ chấp xe ô tô Toyota Fotuner số khung 69G7F9010973, số máy 2TR7970245, biển kiểm soát 88A-084.38, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004734 do công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 13/05/2015 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/13442799/HĐBD ngày 09/12/2020.

+ Hợp đồng thế chấp số 01/2021/13442799/HĐBD số tiền gửi có kỳ hạn 2.500.000.000 VNĐ ngày 01 tháng 09 năm 2021

+ Hợp đồng thế chấp số 02/2021/13442799/HĐBD số tiền gửi có kỳ hạn 3.500.000.000 VNĐ ngày 10 tháng 09 năm 2021

+ Hợp đồng thế chấp số 03/2021/13442799/HĐBD số tiền gửi có kỳ hạn 2.000.000.000 VNĐ ngày 22 tháng 09 năm 2021

(9) Là khoản vay Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 14 tháng 05 năm 2021. Số tiền cho vay là 6.500.000.000 VNĐ. Lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền.

(10) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 31082021/IDT-AV ngày 31 tháng 08 năm 2021 số tiền 7.050.000.000 VNĐ, lãi suất 0% thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	378.339.621.587	1.591.138.486.297	(1.194.931.371.616)	774.546.736.268
Vay ngắn hạn bên liên quan	2.721.000.000	38.300.000.000	(22.400.000.000)	18.621.000.000
Cộng	381.060.621.587	1.629.438.486.297	(1.217.331.371.616)	793.167.736.268

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	5.474.839.554	8.300.354.315	(3.073.681.280)	(2.642.079.927)	8.059.432.662
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	263.536.909	-	-	-	263.536.909
Cộng	5.738.376.463	8.300.354.315	(3.073.681.280)	(2.642.079.927)	8.322.969.571

Số hoàn nhập trong năm là số dự phòng bảo hành công trình đã hết thời hạn bảo hành được trình bày ở chỉ tiêu chi phí bán hàng và giá vốn hàng bán (xem thuyết minh VI.5 và VI.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	226.700.718	85.092.779	-	311.793.497
Quỹ phúc lợi	163.108.831	85.092.779	(8.725.000)	239.476.610
Cộng	<u>389.809.549</u>	<u>170.185.558</u>	<u>(8.725.000)</u>	<u>551.270.107</u>

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải phát sinh trong năm liên quan đến các khoản dự phòng/hoàn nhập tổn thất đầu tư, chi tiết:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	1.563.921.318
Phát sinh trong năm	631.351.468
Hoàn nhập trong năm	(574.521.318)
Số cuối năm	<u>1.620.751.468</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	25.449.629.716	17.470.670.743	212.792.658.279
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	8.509.277.903	(240.243.898)	8.269.034.005
Trích lập các quỹ	-	-	-	602.076.296	(842.906.814)	-	(240.830.518)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(7.944.317.000)	-	(7.944.317.000)
Số dư cuối năm trước	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.915.984.116	25.171.683.805	17.230.426.845	212.876.544.766
Số dư đầu năm nay	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.915.984.116	25.171.683.805	17.230.426.845	212.876.544.766
Lợi ích cổ đông không kiểm soát do hợp nhất	-	-	-	-	-	761.198.128	761.198.128
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	7.939.880.000	-	-	-	(7.939.880.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	18.014.014.171	(2.573.387.353)	15.440.626.818
Trích lập các quỹ	-	-	-	425.463.895	(595.649.453)	-	(170.185.558)
Số dư cuối năm	166.826.240.000	5.672.110.000	(20.000)	6.341.448.011	34.650.168.523	15.418.237.620	228.908.184.154

(*) Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 24 tháng 04 năm 2021. Theo đó, Cổ tức lợi nhuận trả cho Cổ đông là 7.944.317.000 VND bằng cổ phiếu. Thực tế, công ty đã chia cổ tức 793.988 cổ phiếu tương ứng với 7.939.880.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 24 tháng 04 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu 5% vốn điều lệ	: 7.944.317.000
• Quỹ đầu tư phát triển 5% LNST	: 425.463.895
• Quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST	: 170.185.558

c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
Ông Nguyễn Đức Khả	57.837.780.000	34,67%	55.083.600.000	34,67%
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	31.152.400.000	18,67%	29.668.960.000	18,67%
Bà La Mỹ Phương	11.172.310.000	6,70%	-	-
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
Các cổ đông khác	66.663.730.000	39,96%	74.133.780.000	46,66%
Cộng	166.826.240.000	100%	158.886.360.000	100%

d) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.682.624	15.888.636
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.682.624	15.888.636
- Cổ phiếu phổ thông	16.682.624	15.888.636
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.682.622	15.888.634
- Cổ phiếu phổ thông	16.682.622	15.888.634

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	390,24	985,59

b, Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	1.116.279.409	1.116.279.409	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.474.911.391.638	1.087.727.555.048
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.462.561.532.022</i>	<i>1.072.743.908.102</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>6.333.061.819</i>	<i>6.307.925.998</i>
<i>Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>6.016.797.797</i>	<i>8.675.720.948</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(59.891.075.834)</i>	<i>(5.392.498.373)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(9.015.707.597)</i>	<i>(6.469.173.043)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(1.580.518.183)</i>	<i>(9.750.035)</i>
Doanh thu thuần	<u>1.404.424.090.024</u>	<u>1.075.856.133.597</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.392.074.230.408</i>	<i>1.060.872.486.651</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>6.333.061.819</i>	<i>6.307.925.998</i>
<i>Doanh thu thuần hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>6.016.797.797</i>	<i>8.675.720.948</i>

b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	483.386.228.730	185.938.989.810
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	6.860.530.914	3.372.334.661
Cộng	<u>490.246.759.644</u>	<u>189.311.324.471</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.210.905.974.624	902.735.998.721
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.701.464.811	1.908.856.757
Giá vốn hợp đồng lắp đặt điều hòa	9.151.448.207	8.895.307.846
Trích trước chi phí khuyến mãi bằng hàng	-	12.831.123.736
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	649.999.982	3.127.254.007
Cộng	<u>1.222.408.887.624</u>	<u>929.498.541.067</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn	2.317.708.532	2.632.085.558
Lãi tiền cho vay	782.935.000	925.233.207
Lãi đầu tư trái phiếu	1.267.210.959	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.622.030.645	744.573.628
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	227.970.009	-
Cộng	<u>6.217.855.145</u>	<u>4.301.892.393</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	37.953.673.786	23.309.270.556
Chiết khấu thanh toán cho người mua	1.604.226.132	282.022.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	688.983.623	538.288.071
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	32.058.354
Cộng	<u>40.246.883.541</u>	<u>24.161.639.116</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	29.800.863.296	23.337.450.613
Chi phí vật liệu, bao bì	152.125.081	59.287.547
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	215.132.004	532.804.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.477.110.191	2.024.598.548
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	2.820.409.716	3.123.671.818
Trích lập dự phòng bảo hành	8.300.354.315	5.809.902.788
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(2.642.079.927)	(2.110.777.059)
Chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	18.737.120.365	7.029.318.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.098.246.945	31.475.286.474
Các chi phí khác	6.055.601.555	6.164.711.191
Cộng	<u>100.014.883.541</u>	<u>77.446.254.238</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.891.422.832	13.535.671.437
Chi phí vật liệu quản lý	345.427.758	283.501.571
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.370.952.610	800.968.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.478.793.526	1.194.109.360
Thuế, phí và lệ phí	166.604.342	15.260.000
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	165.017.962	4.824.479.082
Lợi thế thương mại	2.999.536.280	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.084.710.525	2.548.943.997
Các chi phí khác	4.201.776.012	4.336.233.236
Cộng	<u>29.704.241.847</u>	<u>27.539.167.112</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	50.442.095	18.181.818
Thanh lý công cụ dụng cụ	9.090.909	-
Linh kiện bảo hành được miễn phí	2.305.500	85.903.957
Nhà cung cấp hỗ trợ phát triển thị trường	-	2.511.189.782
Xử lý công nợ	541.565.113	-
Thu nhập khác	63.809.905	143.064.060
Cộng	<u>667.213.522</u>	<u>2.758.339.617</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hợp đồng	15.000.000	-
Các khoản truy thu phạt, chậm nộp thuế, BHXH	1.829.285.463	1.180.314.871
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	101.426.364
Xử lý Xây dựng cơ bản dở dang	371.615.375	-
Chi phí khác	14.816.629	1.067.748
Cộng	<u>2.230.717.467</u>	<u>1.282.808.983</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.724.250.984	14.604.998.344
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	21.183.724.536	8.611.631.872
- Các khoản điều chỉnh tăng	21.183.724.536	8.611.631.872
<i>Tiền phạt truy thu thuế, chậm nộp thuế</i>	<i>1.829.952.583</i>	<i>1.178.998.313</i>
<i>Thù lao Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	<i>60.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>317.247.405</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phạt, truy thu khác</i>	<i>-</i>	<i>1.216.557</i>
<i>Xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng</i>	<i>384.321.820</i>	<i>200.006.781</i>
<i>Chi phí xử lý xây dựng cơ bản</i>	<i>371.615.375</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí bị loại trừ khác</i>	<i>-</i>	<i>231.372.228</i>
<i>Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất</i>	<i>2.999.536.280</i>	<i>-</i>
<i>Lỗ tại Công ty con quyết toán riêng</i>	<i>9.790.189.435</i>	<i>2.711.763.730</i>
<i>Lỗ phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>	<i>5.430.861.638</i>	<i>4.288.274.263</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>43.907.975.520</u>	<u>23.216.630.216</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>8.781.595.104</u>	<u>4.643.326.043</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	-	(222.105.676)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	792.342.651	128.317.449
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>9.573.937.756</u>	<u>4.549.537.817</u>

(*)Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 Trong năm 2020, Các công ty con được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.678.460.821)	(1.328.812.450)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.331.317.081	3.115.238.972
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	631.351.468	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(574.521.318)	-
Cộng	<u>(2.290.313.590)</u>	<u>1.786.426.522</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.014.014.171	8.509.277.903
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(360.280.283)	(170.185.558)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.653.733.888	8.339.092.345
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.682.622	16.682.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.058</u>	<u>500</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.888.634	15.888.634
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	793.988	793.988
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>16.682.622</u>	<u>16.682.622</u>

12. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	4.422.609.083	4.901.670.809
Chi phí nhân công	47.893.453.004	37.985.029.713
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.240.186.725	4.717.248.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.309.980.612	47.580.086.877
Chi phí trạm bảo hành	7.591.777.389	6.822.797.547
Lợi thuế thương mại	2.999.536.280	-
Chi phí dự phòng	406.037.591	4.824.479.082
Chi phí bằng tiền khác	9.906.924.379	10.631.782.001
Cộng	<u>135.770.505.063</u>	<u>117.463.094.891</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay nhập gốc	-	1.348.723
Chênh lệch tỷ giá đánh giá gốc tiền vay	-	104.306.518
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	7.939.880.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Thu tiền tạm ứng	93.845.900	105.944.100
Chi tiền tạm ứng	93.845.900	105.944.100
Bà Đào Thị Soi		
<i>Bàn giao đất</i>	-	17.480.000.000
<i>Phải thu tiền mua quyền sử dụng đất</i>	17.480.000.000	-
<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	17.480.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương		
<i>Ông Nguyễn Đức Khà</i>	775.052.000	607.912.000
<i>Bà Huy Thị Dung</i>	651.836.692	-
<i>Bà Đào Thị Soi</i>	101.738.000	383.678.000
<i>Ông Nguyễn Mạnh Truyền</i>	743.838.000	-
<i>Ông Nguyễn Ngọc Quý</i>	275.698.094	533.201.000
<i>Bà Nguyễn Thị Huyền Thương</i>	829.370.000	592.350.000
Cộng	3.377.532.786	2.117.141.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ

Công ty Cổ phần may KLW

Cổ đông lớn. Bà
Đào Thị Soi là Phó
TGD tại công ty
Anh Vũ
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	541.649.172.603	430.990.575.532
+ Giá trị chưa thuế	492.408.338.730	391.809.614.120
+ Thuế GTGT đầu ra	49.240.833.873	39.180.961.412
Mua hàng hóa	7.184.760.000	14.682.304.670
+ Giá trị chưa thuế	6.531.600.000	13.347.549.700
+ Thuế GTGT đầu ra	653.160.000	1.334.754.970
Trả tiền hàng	5.000.000.000	8.120.000.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	596.385.270.000	423.229.000.000
Trả tiền tạm ứng thực hiện hợp đồng	7.118.400.000	12.000.000.000
Nhận chiết khấu thương mại	983.324.558	-
Phải trả về cho vay	9.950.000.000	-
Trả tiền cho vay	2.900.000.000	-
Công ty Cổ phần may KLW		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	482.544.007	475.402.389
+ Giá trị chưa thuế	438.676.370	432.183.990
+ Thuế GTGT đầu ra	43.867.637	43.218.399
Phải thu tiền cho thuê kho	7.064.040.000	6.936.000.000
+ Giá trị chưa thuế	6.421.854.544	6.305.454.544
+ Thuế GTGT đầu ra	642.185.456	630.545.456
Phải trả tiền mua hàng hóa	-	4.621.043.900
+ Giá trị chưa thuế	-	4.200.949.000
+ Thuế GTGT đầu vào	-	420.094.900
Trả tiền mua hàng hóa	-	4.621.043.900
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.826.364.769	8.468.646.200
Phải trả về tiền vay ngắn hạn	28.350.000.000	-
Trả tiền vay ngắn hạn	19.500.000.000	2.500.000.000
Lãi vay phải trả	837.552.053	485.448.222
Trả tiền lãi vay bằng tiền	267.603.289	478.864.660

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.15; V.16; V.19; V.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.306.884.078.169	38.881.552.278	58.658.459.577	-	1.404.424.090.024
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	736.281.609.078	2.774.090.882	3.589.770.408	(742.645.470.368)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.043.165.687.247	41.655.643.160	62.248.229.985	(742.645.470.368)	1.404.424.090.024
Chi phí bộ phận	(1.856.766.322.426)	(38.710.928.458)	(53.004.838.958)	726.073.202.218	(1.222.408.887.624)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	186.399.364.821	2.944.714.702	9.243.391.027	(16.572.268.150)	182.015.202.400
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(129.719.125.388)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					52.296.077.012
Doanh thu hoạt động tài chính					6.217.855.145
Chi phí tài chính					(40.246.883.541)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					6.020.706.313
Thu nhập khác					667.213.522
Chi phí khác					(2.230.717.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.573.937.756)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.290.313.590
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					15.440.626.818
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.230.319.111	64.050.000	360.612.455	-	2.654.981.566
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.179.738.617	557.738.386	390.454.568	611.024	7.127.931.571

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.566.418.693.558	37.457.679.257	56.572.615.524	(459.439.383.049)	1.201.009.605.290
Tổng tài sản					1.201.009.605.290
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.260.699.224.628	35.295.851.266	64.688.828.110	(388.582.482.868)	972.101.421.136
Tổng nợ phải trả					972.101.421.136
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	917.991.685.635	30.029.930.035	37.805.407.915	(212.248.222.848)	773.578.800.737
Tổng tài sản					773.578.800.737
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	671.192.078.690	24.267.093.876	40.373.596.024	(175.130.512.619)	560.702.255.971
Tổng nợ phải trả					560.702.255.971

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	793.167.736.268	-	-	793.167.736.268
Phải trả người bán	110.011.347.568	-	-	110.011.347.568
Các khoản phải trả khác	28.032.523.361	-	-	28.032.523.361
Cộng	931.211.607.197	-	-	931.211.607.197
Số đầu năm				
Vay và nợ	381.060.621.587	-	-	381.060.621.587
Phải trả người bán	126.632.923.716	-	-	126.632.923.716
Các khoản phải trả khác	33.498.586.020	-	-	33.498.586.020
Cộng	541.192.131.323	-	-	541.192.131.323

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.619.969.924	4.914.235.456	9.619.969.924	4.914.235.456
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	116.694.369.728	39.500.000.000	116.694.369.728	39.500.000.000
Phải thu khách hàng	297.274.051.391	179.129.880.454	297.274.051.391	179.129.880.454
Các khoản cho vay	9.259.247.000	12.000.000.000	9.259.247.000	12.000.000.000
Các khoản phải thu khác	3.562.546.757	3.052.891.227	3.562.546.757	3.052.891.227
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.163.241.173	9.142.534.860	15.163.241.173	9.142.534.860
Cộng	451.573.425.973	247.739.541.997	451.573.425.973	247.739.541.997
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	793.167.736.268	381.060.621.587	793.167.736.268	381.060.621.587
Phải trả người bán	110.011.347.568	126.632.923.716	110.011.347.568	126.632.923.716
Các khoản phải trả khác	28.032.523.361	33.498.586.020	28.032.523.361	33.498.586.020
Cộng	931.211.607.197	541.192.131.323	931.211.607.197	541.192.131.323

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Năm 2021, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	525	(25)	500

Lập ngày 08 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Trịnh Thị Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn		7.858.265.929	5.432.097.986		10.407.793.704	5.267.080.024
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942
Công ty cổ phần đào tạo và phát triển nguồn nhân lực IDT	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	137.800.000	68.900.000
Công ty cổ phần TM xuất nhập khẩu Kim Anh	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	483.680.920	241.840.460
Công ty Cổ phần Đầu tư CK - Việt Nam	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	115.576.441	57.788.221
Công ty TNHH điện tử Quang Minh	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	84.279.327	42.139.664
Công ty TNHH Hải sơn	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	100.723.036	50.361.518
Công ty TNHH Kahutech Việt Nam	Trên 3 năm	821.662.685	410.831.343	Từ 1 năm đến 2 năm	821.662.685	410.831.343
Công ty TNHH MTV xây dựng Thái Sơn	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	50.000.022	25.000.011
Công ty TNHH Phát triển Điện lạnh Minh Anh	Trên 3 năm	1.053.468.075	526.734.038	Từ 1 năm đến 2 năm	1.453.468.075	726.734.038
Công ty TNHH Thực phẩm VT - chi nhánh Bắc Ninh	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	53.000.000	26.500.000
Công ty TNHH Điện tử tin học Phúc Thành	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	202.050.560	101.025.280
Công ty TNHH Tiến Minh BG	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	78.253.979	39.126.990
Công ty TNHH tư vấn xúc tiến đầu tư Bắc Giang	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	112.206.000	56.103.000
Hộ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đức	Từ 2 năm đến 3 năm	470.588.306	235.294.153	Từ 1 năm đến 2 năm	470.588.306	235.294.153
Nhà phân phối Hoàng Hà	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	127.848.300	63.924.150
Nguyễn Thu Thủy	Đã thu hồi	-	-	Từ 1 năm đến 2 năm	220.779.219	110.389.610
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh ABC	Đã thu hồi	-	-	Từ 2 năm đến 3 năm	337.545.972	236.282.180

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Điện cơ Điện lạnh Tường Hùng	Trên 3 năm	444.688.013	311.281.609	Từ 2 năm đến 3 năm	444.688.013	311.281.609
Công ty TNHH Tổng hợp Phú Hoàng Thanh	Từ 2 năm đến 3 năm	79.080.985	39.540.493	Từ 1 năm đến 2 năm	79.080.985	39.540.493
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Huỳnh Chinh	Đã thu hồi	-	-	Từ 2 năm đến 3 năm	25.834.000	18.083.800
Công ty TNHH MTV Quản lý Xây dựng Phương Tùng	Đã thu hồi	-	-	Từ 2 năm đến 3 năm	19.949.999	13.964.999
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng TTC Việt Nam	Trên 3 năm	116.543.200	116.543.200	Từ 2 năm đến 3 năm	116.543.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư VINAINCON	Từ 2 năm đến 3 năm	195.550.000	136.885.000	Từ 1 năm đến 2 năm	195.550.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật liệu 319	Từ 1 năm đến 2 năm	428.230.000	214.115.000	Từ 6 tháng đến 1 năm	428.230.000	-
CÔNG TY TNHH ALO SUSHI Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	136.206.400	68.103.200	Từ 6 tháng đến 1 năm	136.206.400	-
Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại Á - Âu	Từ 2 năm đến 3 năm	217.000.000	151.900.000	Từ 1 năm đến 2 năm	217.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hải Anh Quảng Ninh	Từ 2 năm đến 3 năm	51.850.000	36.295.000	Từ 1 năm đến 2 năm	51.850.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại An Quý	Từ 2 năm đến 3 năm	46.640.000	32.648.000	Từ 1 năm đến 2 năm	46.640.000	-
Cơ sở kinh doanh Đỗ Văn Tuyền	Từ 2 năm đến 3 năm	25.967.048	18.176.934	Từ 1 năm đến 2 năm	25.967.048	12.983.524
Cơ sở kinh doanh Hoàng Lan	Từ 2 năm đến 3 năm	28.590.480	20.013.336	Từ 1 năm đến 2 năm	28.590.480	14.295.240
Công ty TNHH Thương mại Minh Hiền	Trên 3 năm	428.775.390	428.775.390	Từ 2 năm đến 3 năm	428.775.390	300.142.773
CÔNG TY TNHH TM&DV PHƯƠNG LINH TP	Trên 3 năm	53.486.000	53.486.000	Từ 2 năm đến 3 năm	53.486.000	37.440.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương Mại Bảo Lan	Trên 3 năm	113.238.227	113.238.227	Từ 2 năm đến 3 năm	113.238.227	79.266.759
Công ty TNHH Linh Anh Bắc Giang	Từ 2 năm đến 3 năm	356.591.015	249.613.711	Từ 1 năm đến 2 năm	356.591.015	178.295.503
Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Quạt Điện Việt Nam	Trên 3 năm	25.505.173	25.505.173	Từ 2 năm đến 3 năm	25.505.173	17.853.621
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VIHOUSE	Từ 2 năm đến 3 năm	232.366.073	162.656.251	Từ 1 năm đến 2 năm	232.366.073	116.183.037
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh hàng gia dụng Mạnh Huệ	Từ 2 năm đến 3 năm	117.116.439	81.981.507	Từ 1 năm đến 2 năm	117.116.439	58.558.220
Công Ty TNHH Thương Mại Cảnh Cường	Trên 3 năm	169.540.459	169.540.459	Từ 2 năm đến 3 năm	169.540.459	118.678.321
Công ty TNHH Thương Mại 319 Đông Anh	Từ 2 năm đến 3 năm	107.827.640	75.479.348	Từ 1 năm đến 2 năm	107.827.640	53.913.820
Cơ sở kinh doanh Nguyễn Văn Thảo	Trên 3 năm	309.691.098	309.691.098	Từ 2 năm đến 3 năm	309.691.098	216.783.769
Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại và Dịch Vụ Đức Thành	Từ 2 năm đến 3 năm	328.353.072	229.847.150	Từ 1 năm đến 2 năm	328.353.072	164.176.536
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T&T Toàn Cầu	Từ 2 năm đến 3 năm	901.086.428	630.760.500	Từ 1 năm đến 2 năm	901.086.428	450.543.214
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư An Huy	Từ 2 năm đến 3 năm	51.539.511	36.077.655	Từ 1 năm đến 2 năm	51.539.511	25.769.756
Trả trước cho người bán		2.649.307.425	2.649.307.425		2.649.307.425	2.649.307.425
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699
ZHEJIANG BINGFENG COMPRESSOR CO.,LTD	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539
Cộng		<u>10.507.573.354</u>	<u>8.081.405.411</u>		<u>13.057.101.129</u>	<u>7.916.387.449</u>